TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Quách Hà Vính
2. Bà Quách Thị Tình

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019,giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T ; Sinh năm: 1991
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Bùi Khương Q; Sinh năm: 1989
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2019, bản tự khai ngày 21/02/2019 và tại phiên tòa hôm nay, chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Khương Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2015 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn chị và anh Q chưa tìm hiểu kỹ về nhau nên sau khi về chung sống thì vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Từ đó dẫn đến vợ chồng sảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn xô sát. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai đều cảm thấy mệt mỏi và chán nản. Từ tháng 8/2017 đến nay, chị đã về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến thời điểm hiện tại, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con cái: Vợ chồng không có con chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản : Vợ chồng không có tài sản chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh Q hai lần để nộp bản tự khai nhưng anh Q đều vắng mặt nên không có lời khai của anh Q trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Q không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Q theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[2]. Anh Bùi Khương Q đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh Q đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS).

[3]. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh Q.

HĐXX nhận thấy:

[4] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Khương Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2015 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận đến tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên say ra bất đồng, cãi cọ lẫn nhau và đã có lần dẫn đến đánh đập. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 8/2017 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận. Mặt khác, anh Q đã được Tòa án thông báo đến để tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt chứng tỏ anh Q không còn muốn hàn gắn tình cảm với chị T nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Khương Q.

[5] Về con cái và tài sản: Vợ chồng không có con chung và không có tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

1/ Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Khương Q.

2/ Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003555, ngày 20/02/2019. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị T và anh Q. Chị T và anh Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Nguyễn Thị Cúc